TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 3 - 2020
V/v ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Đặng Hữu Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2020/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Mộng N, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp TH A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Chí K, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Mộng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Chí K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT. Thời gian chung sống xãy ra nhiều mâu thuẫn do ghen mà hai bên không hòa giải được, vợ chồng đã ly thân 06 năm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 12/4/2010 hiện đang sống chung với anh K. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh K cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác, cũng như không có người khác nợ lại vợ chồng.

Anh Nguyễn Chí K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N trình bày về quá trình kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Nay anh K đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 người con như chị N trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh K yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác, cũng như không có người khác nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Mộng N khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Nguyễn Chí K là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị N, anh K có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh K.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị N và anh K kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh K được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh K đồng ý. Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh K là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử cháu C sắp tròn 10 tuổi, hiện đang sống chung với anh K. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao cháu C cho anh K tiếp tục nuôi, chị N không cấp dưỡng, việc này anh K đồng ý. Xét thấy: Theo biên bản ghi nguyện vọng của cháu C ngày 31/3/2020 thể hiện cháu có nguyện vọng sống với anh K. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, sự

phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và điều kiện học của cháu C nên Hội đồng xét xử giao cháu C cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị N, anh K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Mộng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Mộng N được ly hôn với anh Nguyễn Chí K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 12/4/2010 cho anh Nguyễn Chí K được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Mộng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Mộng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010372 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Nguyễn Mộng N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh